

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH
Số:/2018/HTC/IP PHONE



Căn cứ:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;
- Nghị định số 81/2016/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông;
- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; và
- Căn cứ vào yêu cầu khách hàng và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội.

Hợp đồng cung cấp dịch vụ thoại cố định ("**Hợp đồng**") này được lập và ký kết ngày tháng năm 2018, giữa và bởi các Bên dưới đây:

Bên sử dụng dịch vụ (bên A):

Tên Tổ chức/Họ và Tên Cá nhân :
Họ Tên Người đại diện (áp dụng cho tổ chức) :
Ông/Bà..... Chức vụ :
Ngày tháng năm sinh :
Giấy ủy quyền số :
Số Chứng Minh Nhân Dân/Hộ chiếu: - Cấp ngày : - Nơi cấp :
Giấy Chứng nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp/Quyết định thành lập số :
Cấp ngày : - Nơi cấp :
Mã số thuế :
Số tài khoản :
Tại Ngân hàng :
Địa chỉ :
Số Điện thoại liên hệ : - Email :

Bên cung cấp dịch vụ (Bên B) : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG HÀ NỘI ("HTC**")**

Địa chỉ tại Hà Nội: Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh: 385C Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 024.56788899 – Fax: 024.35729834
Mã số thuế: 0101189672
Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: 434/GP-CVT do Cục Viễn Thông cấp ngày 11/11/2013
Giấy Chứng nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số :0103000334
Cấp ngày : Thay đổi lần 8 ngày 19/05/2008 - Nơi cấp : Sở KHĐT Hà Nội
Số tài khoản: 03.10.10.10.670.533 - Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa, Hà Nội
Người đại diện: Chức vụ:
(Theo giấy ủy quyền số:)

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Dịch vụ cung cấp:

1.1. Loại dịch vụ cung cấp

Dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A trong Hợp đồng này là dịch vụ điện thoại cố định trên nền công nghệ Giao thức Internet ("Nền công nghệ IP") và các dịch vụ về tổng đài (nếu có).

- Dịch vụ điện thoại cố định: là dịch vụ thông tin liên lạc bằng mạng điện thoại cố định được thiết lập trong phạm vi địa giới hành chính của một Tỉnh/Thành phố, hoặc giữa các Tỉnh/Thành phố, hoặc các nước với nhau.
- Tổng đài ao: là một hệ thống chuyển mạch dựa trên nền tảng phần mềm chia sẻ tài nguyên phần cứng, giúp cho các đầu cuối gọi cho nhau và gọi ra ngoài trên một số đường thuê bao của các nhà cung cấp.

1.2. Chất lượng dịch vụ

- Tuân theo QCVN 35:2011/BTTTT được xây dựng trên cơ sở soát xét, chuyển đổi Tiêu chuẩn ngành TCN 68-176: 2006 "Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất - Tiêu chuẩn chất lượng" ban hành theo Quyết định số 29/2006/QĐ-BBCVT ngày 5 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).
- Các quy định kỹ thuật và phương pháp xác định của QCVN 35: 2011/BTTTT phù hợp với các Khuyến nghị của Liên minh Viễn thông Quốc Tế (ITU).
- QCVN 35:2011/BTTTT do Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt và được ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2011/QĐ-BTTTT ngày 26 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.3. Thông tin của dịch vụ được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm hợp đồng này.

Điều 2 : Giá cước và Phương thức thanh toán

2.1. Giá cước áp dụng theo quy định giá cước tại Phụ lục 01 của hợp đồng này và các Phụ lục về sau do hai bên thỏa thuận (nếu có).

2.2. Thông báo cước: chậm nhất đến ngày 10 (mười) mỗi tháng, bên B sẽ gửi cho bên A thông báo cước điện thoại sử dụng trong tháng trước tới địa chỉ của bên A (email hoặc tin nhắn hoặc thông báo cước chuyên phát đến địa chỉ người đại diện). Trường hợp hai bên có thỏa thuận khác sẽ được điều chỉnh trong Phụ lục hợp đồng.

2.3. Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản cước phát sinh trong tháng cho Bên B trước ngày cuối cùng của tháng kế tiếp. Trường hợp Bên A không thanh toán đầy đủ và đúng hạn, Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ tuy nhiên Bên B phải đảm bảo báo trước cho Bên A được biết tối thiểu 3 ngày làm việc trước thời điểm tạm ngừng.

2.4. Bên A thanh toán cho Bên B cước phí sử dụng dịch vụ bằng Đồng Việt Nam.

Hình thức thanh toán

Chuyển khoản.

Tên chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG HÀ NỘI

Số tài khoản: 03.101010.670.533

Mở tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam-Chỉ nhánh Đồng Đa, Hà Nội.

Tiền mặt.

Sau khi nhận được đủ tiền thanh toán, nếu bên A có yêu cầu, bên B sẽ xuất hóa đơn VAT và gửi sang bên A.

2.5. Trong mọi trường hợp xảy ra sai sót về tính cước thì bên A sẽ chỉ thanh toán cho Bên B khi hai bên sẽ cùng lập văn bản đối soát, thống nhất lại khoản tiền chênh lệch và thỏa thuận khấu trừ khoản tiền vào hóa đơn của tháng sau. Trường hợp hai bên chưa thống nhất văn bản nêu trên, Bên A sẽ chưa phải thanh toán cho Bên B, đồng thời Bên B cũng không có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ.

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1. Quyền của bên A:

3.1.1. Được đảm bảo sử dụng các dịch vụ tại Điều 1 theo đúng tiêu chuẩn chất lượng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và/hoặc do Bên B công bố tại website www.voip.hanoitelecom.com.

3.1.2. Được giải thích, hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do bên B cung cấp.

- 3.1.3. Được chấm dứt hoặc tạm ngưng cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ đang sử dụng khi có yêu cầu bằng văn bản.
- 3.1.4. Được thay đổi địa chỉ sử dụng hoặc đổi số thuê bao đang sử dụng trong khả năng thực hiện của bên B khi cần thiết.
- 3.1.5. Bên A chỉ được quyền chuyển giao việc thực hiện Hợp đồng này cho Bên thứ ba khi được Bên B đồng ý bằng văn bản. Kể từ thời điểm chuyển giao được hoàn thành, hai bên sẽ cùng ký biên bản thanh lý chấm dứt Hợp đồng và Bên A không còn bất cứ nghĩa vụ nào đối với Bên B liên quan đến Hợp đồng này kể từ thời điểm ký biên bản đó.
- 3.1.6. Được quyền khiếu nại về cước sử dụng dịch vụ trong vòng 01 tháng kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán cước, hoặc khiếu nại về chất lượng dịch vụ hay các vi phạm khác của bên B trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày sử dụng dịch vụ hoặc xảy ra vi phạm. Thời hạn tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của Bên B tối đa là 5 ngày làm việc, trong trường hợp hết hạn nêu trên, nếu Bên B không thực hiện giải quyết khiếu nại, Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm ngưng nhận cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ đang sử dụng và không phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào cả bao gồm bởi cước phí còn nợ, chi phí lắp đặt thiết bị, các chi phí khác... Bên A được bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của doanh nghiệp viễn thông hoặc đại lý dịch vụ viễn thông gây ra.
- 3.1.7. Được thông báo, giải thích về sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ hoặc nguyên nhân xảy ra sự cố làm gián đoạn thông tin trong vòng hai (02) ngày đối với trường hợp bất khả kháng (theo điều 8.4 của hợp đồng này) và trước hai mươi (20) ngày đối với các trường hợp không thuộc sự kiện bất khả kháng (nếu có); bằng các hình thức Email, văn bản, tin nhắn SMS ...
- 3.1.8. Được quyền yêu cầu doanh nghiệp viễn thông cung cấp thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ viễn thông và các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm:
- 3.1.9. Sử dụng dịch vụ viễn thông theo giá cước thỏa thuận trong hợp đồng;
- 3.1.10. Từ chối sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ viễn thông theo hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông;
- 3.1.11. Được quyền đảm bảo bí mật các thông tin riêng được ghi trong Hợp đồng.
- 3.1.12. Các quyền được quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- 3.1.13. Có quyền lựa chọn đồng ý hoặc không đồng ý về việc Bên B thông báo cho bên A các chương trình chăm sóc khách hàng hoặc khuyến mại của bên A qua hệ thống Email, SMS
- 3.1.14. Có quyền chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp không đồng ý với việc thay đổi chính sách của Bên B theo quy định tại Điều 4.2.6 Hợp đồng này.
- 3.2. Trách nhiệm của bên A:
- 3.2.1. Thực hiện đúng các quy định về pháp luật, cùng các thỏa thuận đã cam kết tại hợp đồng này, cũng như các hướng dẫn của bên B về quá trình sử dụng và thiết bị tại thời điểm bàn giao dịch vụ .
- 3.2.2. Không sử dụng đường truyền điện thoại cố định trên nền tảng IP và các dịch vụ đã được bên B cung cấp để kinh doanh dưới mọi hình thức nếu chưa được bên B đồng ý.
- 3.2.3. Không được tự ý thay đổi địa chỉ lắp đặt thiết bị và số điện thoại sử dụng dịch vụ khi chưa có văn bản chấp thuận của bên B.
- 3.2.4. Thanh toán hóa đơn tính cước phát sinh hàng tháng của dịch vụ điện thoại cố định trên nền tảng IP đầy đủ và đúng hạn.
- 3.2.5. Thực hiện đúng các quy định, thủ tục cần thiết theo hướng dẫn trực tiếp của bên B (theo Đầu mối chăm sóc khách hàng tại điều 8.5 của hợp đồng này) khi có yêu cầu: Tạm ngưng, chấm dứt hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối.
- 3.2.6. Cung cấp đầy đủ các thông tin, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại. Trong thời gian chờ giải quyết, vẫn thanh toán phần cước phí mà hai bên không phát sinh tranh chấp và thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hợp đồng nếu Bên A vẫn sử dụng dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng này trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại.
- 3.2.7. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ còn lại cho bên B khi chấm dứt hợp đồng hoặc khi có vi phạm mà bên B phải đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- 3.2.8. Chịu trách nhiệm bảo mật tên truy cập và mật khẩu của tài khoản người dùng để tra cứu cước trực tuyến do bên B cung cấp.

Điều 4: Quyền và trách nhiệm của bên B:

- 4.1. Quyền của bên B:
 - 4.1.1. Được yêu cầu bên A thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận ở điều 3.
 - 4.1.2. Có quyền đơn phương tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ trong trường hợp:
 - a. Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cước hoặc bồi thường (nếu có) cho bên B như đã thỏa thuận trong hợp đồng.
 - b. Bên A tiếp tục sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng chuẩn, qui cách sử dụng khi đã được bên B thông báo.
 - c. Bên A kinh doanh lại đường dây điện thoại và các dịch vụ cho bên B cung cấp khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của bên B
 - d. Bên A tự ý chuyển quyền sử dụng dịch vụ mà không thực hiện đúng quy định, thủ tục cần thiết theo hướng dẫn trực tiếp của bên B (theo đầu mối chăm sóc khách hàng tại điều 8.5 của hợp đồng này).
 - e. Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - 4.1.3. Đơn phương chấm dứt hợp đồng sau 60 ngày kể từ ngày bên B buộc phải áp dụng việc tạm ngưng dịch vụ đối với bên A theo các điểm a, b, c, d tại khoản 4.1.2 mà bên A vẫn không thực hiện khắc phục vi phạm để sử dụng lại.
- 4.2. Trách nhiệm của bên B:
 - 4.2.1. Hoàn thành việc xây dựng dịch vụ điện thoại cố định trên nền tảng IP cho Bên A.
 - 4.2.2. Hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do bên B cung cấp.
 - 4.2.3. Hướng dẫn cho bên A các qui trình thủ tục để bên A thực hiện các quyền: Tạm ngưng, chấm dứt hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối.
 - 4.2.4. Tiếp nhận và giải quyết kịp thời các khiếu nại của bên A liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ theo hợp đồng cụ thể; Thời gian giải quyết không quá 5 ngày làm việc.
 - 4.2.5. Thông báo, giải thích về sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ hoặc nguyên nhân xảy ra sự cố làm gián đoạn thông tin trong vòng hai (02) ngày đối với trường hợp bất khả kháng (theo điều 8.4 của hợp đồng này) và trước hai mươi (20) ngày đối với các trường hợp không thuộc sự kiện bất khả kháng (nếu có); bằng các hình thức Email, văn bản, tin nhắn SMS
 - 4.2.6. Thông báo cho Bên A các thông tin về chính sách đang áp dụng cho bên A, trường hợp có thay đổi về chính sách phải thông báo cho Bên A trước 30 ngày.
 - 4.2.7. Cung cấp cho bên A hoá đơn tài chính để bên A thanh toán đầy đủ các khoản mục theo đúng nội dung của hợp đồng.
 - 4.2.8. Khắc phục sự cố xảy ra nếu sự cố đó thuộc trách nhiệm của bên B.
 - 4.2.9. Đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng theo đúng chất lượng mà doanh nghiệp đã công bố;
 - 4.2.10. Đảm bảo bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ, chỉ được chuyển giao thông tin cho bên thứ ba khi có được sự đồng ý của người tiêu dùng trừ các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
 - 4.2.11. Không được từ chối giao kết hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng với người sử dụng dịch vụ viễn thông, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 26 Luật Viễn thông.
 - 4.2.12. Thông báo cho người sử dụng dịch vụ viễn thông trong trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông ít nhất 30 ngày trước khi chính thức ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông.
 - 4.2.13. Các nghĩa vụ của doanh nghiệp quy định tại Khoản 4, Điều 18, Nghị định số 99/2011 ND-CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Điều 5: Giải quyết tranh chấp:

- 5.1. Nếu có tranh chấp xảy ra, cả hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày có tranh chấp. Trường hợp vẫn không giải quyết được sẽ chuyển đến Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.
- 5.2. Việc thực hiện hợp đồng này cũng như việc thực hiện quyền tố tụng của bên B khi cần thiết trước các cơ quan pháp luật sẽ do đại diện những đơn vị có liên quan của bên B tham gia.

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng:

- 6.1. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau, cùng với trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng:
 - a. Bên A không còn nhu cầu sử dụng hoặc chuyển quyền sử dụng cho người khác. Trách nhiệm được xác định rõ trong biên bản chấm dứt hợp đồng.

- b. Do Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận tại điều 4, khoản 4.1.3 của hợp đồng này: Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ và bồi thường (nếu có) cho bên B.
 - c. Do Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận tại điều 3, khoản 3.1.6 của hợp đồng này. Trong trường hợp này, các bên thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 3.1.6 của hợp đồng này. Bên A được bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của doanh nghiệp viễn thông hoặc đại lý dịch vụ viễn thông gây ra.
 - d. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định: Trách nhiệm của mỗi bên được áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- 6.2. Thời hạn chấm dứt hợp đồng được xác định:
- a. Trong biên bản chấm dứt hợp đồng đối với các trường hợp quy định tại Điều 6, khoản 6.1, điểm a của hợp đồng này.
 - b. Trong thông báo do bên B lập gửi bên A đối với các trường hợp quy định tại Điều 6, khoản 6.1, điểm b của hợp đồng này.
 - c. Trong thông báo do Bên A lập gửi Bên B đối với trường hợp quy định tại Điều 6, khoản 6.1, điểm c của hợp đồng này.
 - c. Theo quy định phù hợp của pháp luật hiện hành đối với các trường hợp khác.

Điều 7: Phụ lục của Hợp đồng

Phụ lục 01 và các Phụ lục do hai bên thỏa thuận sau này (nếu có) là một phần không tách rời của Hợp đồng này

Các điều khoản của Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng Phụ lục Hợp đồng có chữ ký xác nhận của các bên và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này, đồng thời không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản khác:

Điều 8: Điều khoản khác:

- 8.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký bởi các đại diện hợp pháp của hai Bên.
- 8.2 Thời hạn Hợp đồng chính thức kéo dài trong 01 năm (thời hạn ban đầu). Hợp đồng sẽ được tự động gia hạn thêm 01 năm khi đến ngày Hợp đồng hết hạn trừ trường hợp một trong hai bên thông báo chấm dứt Hợp đồng với bên kia bằng văn bản trước ba mươi (30) ngày tính đến ngày hết hạn Hợp đồng. Quy định này cũng được áp dụng tương tự cho các năm tiếp theo;
- 8.3 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này, nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi;
- 8.4 Trường hợp xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng sẽ giải quyết theo quy định của Bộ Luật Dân sự hiện hành. “Sự Kiện Bất Khả Kháng” là sự kiện xảy ra một cách khách quan mà mỗi Bên hoặc các Bên không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm thiên tai, chiến tranh, bạo loạn, bệnh dịch, khủng bố, hệ thống kỹ thuật thực hiện dịch vụ bị lỗi hoặc bị tấn công trên phạm vi rộng mà không do lỗi của một hoặc các Bên, yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, bên chịu ảnh hưởng sẽ thông báo cho bên kia trong vòng 02 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó;
- 8.5 Đầu mối chăm sóc khách hàng: Ban Chăm Sóc Khách Hàng HTC: 024.5678.8899 / 028.5678.8899 / 0929093292
- 8.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản để làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 01

(Đính kèm theo hợp đồng số:/2018/HTC/IP PHONE)

1. Thông tin dịch vụ:

1.1 Danh sách thuê bao

STT	Đơn vị /Cá nhân sử dụng	Số điện thoại đăng ký	Địa điểm sử dụng	Ghi chú
1				
2				

1.2 Thời gian triển khai: Không quá năm (05) ngày làm việc sau khi ký hợp đồng.

1.3 Dịch vụ gia tăng đi kèm:

- + Chặn cuộc gọi: Đến Đi
+ Nhận thông báo khuyến mãi, quảng cáo:

2. Quy định giá cước:

2.1 Cước phí hòa mạng: Miễn phí (chưa bao gồm máy IP Phone để sử dụng tại đầu khách hàng)

2.2 Cước phí hàng tháng:

Giá cước		Đơn vị: VNĐ		
		Block 6s	+1s	1min
Cước thuê bao/tháng		22.000		
Cố định nội hạt	Gọi nội hạt/phút	220		
Cố định liên tỉnh	Liên tỉnh nội mạng	82,5	13,75	825
	Liên tỉnh khác mạng	82,5	13,75	825
Di động	Di động các mạng	102,3	17,05	1.023
Cam kết sử dụng / tháng		Theo từng khách hàng		

Ghi chú:

- Các mức cước nêu trên đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.
- Phương thức tính cước Block 6 giây đầu + Block 1 giây tiếp theo (cuộc gọi chưa đến 6 giây tính cước thành 1 Block 6 giây, từ giây thứ 7 trở đi tính cước Block 1 giây).
- Giá cước áp dụng cho cả cuộc gọi từ các thuê bao Fax và các cuộc chuyển tiếp cuộc gọi (khi khách hàng gọi vào cố định IP Phone của bên A và chuyển tiếp sang 1 số máy khác).
- Trường hợp có thay đổi về giá cước trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B phải thông báo cho Bên A trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày áp dụng. Trường hợp Bên A không đồng ý giá cước mới, Bên A có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và gửi yêu cầu bằng văn bản cho Bên B trước ít nhất 3 (ba) ngày từ thời điểm mức cước mới được dự kiến áp dụng. Trong trường hợp này, Bên A chỉ phải thanh toán phí cho phần dịch vụ mà Bên A đã sử dụng tính đến thời điểm chấm dứt.
- Tổng đài hỗ trợ khách hàng: Ban Chăm Sóc Khách Hàng HTC 24/24: 024.5678.0000 / 028.5678.0000 / 0929093292

2.3. Cam kết sử dụng (nếu có):

- Bên A cam kết thuê đầu số dịch vụ trong tối thiểu 1 năm.

